

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 6
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	16 - 17
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	18 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 21 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên, trong đó Giấy phép điều chỉnh lần thứ 21 số 41A/GPĐC21/KDBH ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc thành lập thêm chi nhánh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 772 4466
- Fax : 0243 772 4460
- Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 4 6 3 1

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Tầng 11, tòa tháp Viettel, số 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
2 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6 Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Quảng Ninh	Quảng Ninh.
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	Lô B94, đường Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyệt hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 TP.Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 106 Hồng Quang, P.Quang Trung, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 56, tòa nhà 95B, khu lao động Thịnh Hòa, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Tầng 2, Cao ốc Thủy Lợi 4, số 205 Nguyễn Xí, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
36 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
37 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Trảng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
40 Công ty Bảo Hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sù Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
42 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng	Số 1, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
43 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Bình	Tầng 5, số 355 Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
44 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hà Nội	Tầng 2, nhà số 2, Chung cư cao tầng tại ô đất CT3, Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
45 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hồ Chí Minh	Số 205 Nguyễn Xí, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
46 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Tuyên	Tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
47 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nam	Khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Kim, Kang Wook	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park, Je Kwang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park Suk Gon	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ki, Hyun Park	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bae, Taeg Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Kim Lân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2018
Ông Đoàn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này giữa niên độ, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Bùi Xuân Thu
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2018

Số: 1.1149/18/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2018, từ trang 09 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	(100=110+120+130+140+150+190)	100		4.922.721.250.937	4.310.896.139.393
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	165.469.434.372	99.601.609.760
1. Tiền		111		165.469.434.372	99.601.609.760
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		2.819.443.168.512	2.474.576.460.879
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	632.687.010.374	287.384.199.971
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	(88.687.864.084)	(5.688.220.092)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	2.275.444.022.222	2.192.880.481.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		728.017.514.605	727.892.375.450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	410.784.965.582	430.865.393.828
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1		410.784.965.582	430.865.393.828
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	120.320.176.023	141.265.281.130
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5a	258.192.599.313	219.643.631.395
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(61.280.226.313)	(63.881.930.903)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		2.318.369.916	3.628.170.005
1. Hàng tồn kho		141	V.7	2.318.369.916	3.628.170.005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		216.097.785.388	184.081.418.834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	206.565.787.770	176.478.955.123
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1		205.755.716.435	176.030.723.016
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		810.071.335	448.232.107
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		8.017.663.518	5.914.070.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.9	1.514.334.100	1.688.393.038
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm		190	V.21b	991.374.978.144	821.116.104.465
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191		641.753.839.148	525.983.018.605
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192		349.621.138.996	295.133.085.860

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		826.448.936.110	1.037.172.460.243
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		18.138.480.311	17.844.209.676
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	18.138.480.311	17.844.209.676
6.1	<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	216.1		10.285.653.500	10.280.000.000
6.2	<i>Phải thu dài hạn khác</i>	216.2		7.852.826.811	7.564.209.676
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		79.527.317.047	74.875.886.372
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	70.460.116.222	65.014.239.453
	<i>Nguyên giá</i>	222		145.744.687.282	134.945.626.449
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(75.284.571.060)	(69.931.386.996)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	9.067.200.825	9.861.646.919
	<i>Nguyên giá</i>	228		15.873.092.486	15.615.292.486
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.805.891.661)	(5.753.645.567)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.12	114.403.955.745	115.891.902.279
	<i>Nguyên giá</i>	231		121.055.366.654	121.055.366.654
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.651.410.909)	(5.163.464.375)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	8.327.322.000	510.000.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.327.322.000	510.000.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		569.635.833.181	800.114.914.693
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	31.500.000.000	31.500.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	122.644.900.000	122.644.900.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	105.725.812.685	245.429.793.280
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(79.608.070.313)	(74.466.948.396)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	389.373.190.809	475.007.169.809
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		36.416.027.826	27.935.547.223
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	36.416.027.826	27.935.547.223
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.749.170.187.047	5.348.068.599.636

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		3.932.736.518.709	3.460.448.195.675
I. Nợ ngắn hạn		310		3.931.234.076.323	3.459.327.739.539
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.14	387.920.197.360	350.308.039.132
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		382.042.172.821	340.259.182.198
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		5.878.024.539	10.048.856.934
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.15	5.894.440.384	6.792.178.773
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	20.162.691.792	30.887.465.578
4. Phải trả người lao động		314		52.747.385.125	47.642.674.998
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		131.947.832	580.399.234
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1	V.17	59.384.656.926	91.351.852.448
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2	V.18	140.109.707.342	137.118.307.828
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.19a	203.908.496.087	82.654.988.269
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.20	275.513.037.500	197.144.455.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		81.700.000	-
15. Dự phòng nghiệp vụ		329		2.785.379.815.975	2.514.847.378.279
15.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	V.21a	1.920.884.733.160	1.647.879.368.341
15.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.2	V.21a	781.119.941.049	797.519.969.351
15.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>		329.3	V.21c	83.375.141.766	69.448.040.587
II. Nợ dài hạn		330		1.502.442.386	1.120.456.136
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.19b	1.502.442.386	1.120.456.136
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.816.433.668.338	1.887.620.403.961
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.22	1.816.433.668.338	1.887.620.403.961
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		803.957.090.000	803.957.090.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		827.943.052.804	827.943.052.804
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		22.230.714.262	20.745.386.903
9. Quỹ dự trữ bắt buộc		419		48.967.380.576	48.967.380.576
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		113.335.430.696	186.007.493.678
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		421a		82.848.669.758	186.007.493.678
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		421b		30.486.760.938	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		5.749.170.187.047	5.348.068.599.636

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

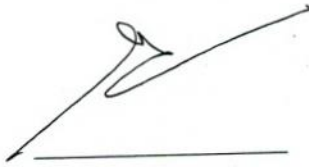
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		289.520.104.026	255.384.755.378
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.067.646,48	930.637,42
Euro (EUR)		29.363,65	26.066,04
Bảng Anh (£)		337,93	342,88

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		1.513.352.733.657	1.286.627.117.079
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.5	1.604.032.474	9.563.298.945
3. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.7	151.034.085.419	119.817.037.169
4. Thu nhập khác	31		727.258.570	526.141.063
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18		1.207.118.135.830	1.032.308.621.653
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	1.807.147.514	6.377.898.495
7. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.8	125.527.360.903	50.168.621.314
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	293.683.704.891	271.986.672.160
9. Chi phí khác	32		267.385.621	348.100.775
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+20+23+31-18-21-24-26-32)	50		38.314.375.361	55.343.679.859
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	7.827.614.423	9.128.651.464
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>30.486.760.938</u>	<u>46.215.028.395</u>
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.1	1.701.199.542.563	1.532.992.853.165
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		1.920.212.820.782	1.496.163.212.143
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		53.992.086.600	54.421.528.620
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		273.005.364.819	17.591.887.598
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	VI.2	465.724.873.685	406.363.916.303
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		581.495.694.228	474.044.105.162
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		115.770.820.543	67.680.188.859
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		1.235.474.668.878	1.126.628.936.862
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác (04 = 04.1 + 04.2)	04		277.878.064.779	159.998.180.217
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	V.18	110.861.362.466	118.334.046.958
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		167.016.702.313	41.664.133.259
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		1.513.352.733.657	1.286.627.117.079
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-	-
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		788.560.644.648	828.502.809.184
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		791.766.075.513	829.911.897.357
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		3.205.430.865	1.409.088.173
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		96.064.687.351	168.811.079.466
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và	13		(16.400.028.302)	(6.081.844.157)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		54.488.053.136	43.853.753.114
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	VI.3	621.607.875.859	609.756.132.447
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		13.927.101.179	10.765.406.356
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	VI.4	571.583.158.792	411.787.082.850
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		150.883.465.041	134.147.263.029
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		420.699.693.751	277.639.819.821

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

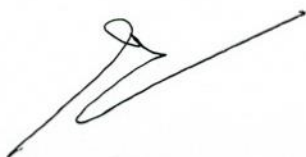
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		1.207.118.135.830	1.032.308.621.653
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		-	-
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10.1 - 18.1)	19.1		306.234.597.827	254.318.495.426
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		-	-
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.5	1.604.032.474	9.563.298.945
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	1.807.147.514	6.377.898.495
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		(203.115.040)	3.185.400.450
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.7	151.034.085.419	119.817.037.169
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.8	125.527.360.903	50.168.621.314
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		25.506.724.516	69.648.415.855
21.1 Chi phí bán hàng	26.1		-	-
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.9	293.683.704.891	271.986.672.160
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19.1 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		37.854.502.412	55.165.639.571
23. Thu nhập khác	31		727.258.570	526.141.063
24. Chi phí khác	32		267.385.621	348.100.775
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		459.872.949	178.040.288
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.314.375.361	55.343.679.859
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	7.827.614.423	9.128.651.464
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>30.486.760.938</u>	<u>46.215.028.395</u>
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.314.375.361	55.343.679.859
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.315.839.496	6.335.889.180
- Các khoản dự phòng	03	185.812.625.336	(56.282.208.033)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(81.639.643.195)	(71.447.769.920)
- Chi phí lãi vay	06 VI.8	4.048.553.837	1.998.850.777
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	154.851.750.835	(64.051.558.137)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.869.314.819	(50.989.187.743)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.309.800.089	(1.601.459.235)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	37.540.292.950	43.992.537.725
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.567.313.250)	(5.038.383.929)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(345.302.810.403)	(42.523.803.956)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.048.553.837)	(1.998.850.777)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.16	(20.992.089.679)	(6.895.876.537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	81.700.000	48.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(37.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(201.257.908.476)	(129.096.382.589)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(19.296.645.637)	(2.483.747.931)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	31.090.776.502
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(721.607.223.817)	(390.829.818.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	724.677.661.595	406.555.142.674
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.189.874.385)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	139.703.980.595	16.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	68.023.089.269	18.449.594.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	191.500.862.005	76.092.073.819

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	260.148.337.500	424.993.804.740
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(181.779.755.000)	(287.152.244.089)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22c	(2.743.711.417)	(68.237.548.452)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>75.624.871.083</i>	<i>69.604.012.199</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>65.867.824.612</i>	<i>16.599.703.429</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>99.601.609.760</i>	<i>75.002.395.142</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>165.469.434.372</i>	<i>91.602.098.571</i>


Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là Bảo hiểm phi nhân thọ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Tổng Công ty**
Các Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	93,63%	93,63%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	98,67%	98,67%	98,67%

Các Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có 1 văn phòng chính, 2 văn phòng đại diện Giám định Bồi thường tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, 1 văn phòng đại diện khu vực phía Nam và 44 chi nhánh trực thuộc trong cả nước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ
Các số liệu tương ứng của kỳ này so sánh được với số liệu của kỳ trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty có 1.955 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.959 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thực tế tại ngày trích lập thấp hơn giá gốc.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy.

Tăng/giảm số dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

002
ANH
TY
HUU
A TL
C
A NC
- TT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chủ yếu là Chi phí hoa hồng chưa phân bổ, Tiền thuê văn phòng, Công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Cơ sở hạ tầng

20 - 50

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp				Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

16. **Ghi nhận doanh thu, chi phí**

16.1. **Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc**

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (2) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (3) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

16.2. Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

16.3. Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.



11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16.4. Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	12.882.540.998	17.693.071.771
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	129.966.647.874	73.135.277.989
Tiền đang chuyển	22.620.245.500	8.773.260.000
Cộng	<u>165.469.434.372</u>	<u>99.601.609.760</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	630.778.596.874	585.104.265.350	(88.687.864.084)	285.475.786.471	298.208.827.900	(5.688.220.092)
LPB	124.824.163.815	106.973.272.000	(17.850.891.815)	56.675.182.165	57.813.736.500	
MBB	27.946.955.235	24.023.775.600	(3.923.179.635)	51.250.202.983	59.245.449.200	
OIL	112.027.149.969	94.551.600.000	(17.475.549.969)			
POW	81.967.035.125	72.050.000.000	(9.917.035.125)			
TDM	80.228.972.945	72.234.000.000	(7.994.972.945)	67.751.475	73.800.000	
Các mã khác	203.784.319.785	215.271.617.750	(31.526.234.595)	177.482.649.848	181.075.842.200	(5.688.220.092)
Chứng khoán chưa niêm yết	1.908.413.500			1.908.413.500		
DPTW2	1.908.413.500			1.908.413.500		
Cộng	632.687.010.374	585.104.265.350	(88.687.864.084)	287.384.199.971	298.208.827.900	(5.688.220.092)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.688.220.092	263.490.518
Trích lập dự phòng trong kỳ	84.598.152.053	1.104.629.326
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.598.508.061)	(263.490.518)
Số cuối kỳ	88.687.864.084	1.104.629.326

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	2.275.444.022.222		2.192.880.481.000	
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.060.609.722.222		2.030.046.181.000	
Đầu tư trái phiếu	198.000.000.000		148.000.000.000	
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	16.834.300.000		14.834.300.000	
Dài hạn	389.373.190.809	(31.235.306.464)	475.007.169.809	(31.235.306.464)
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	271.430.000.000		352.920.000.000	
Ủy thác đầu tư dài hạn	117.943.190.809	(31.235.306.464)	122.087.169.809	(31.235.306.464)
Cộng	2.664.817.213.031	(31.235.306.464)	2.667.887.650.809	(31.235.306.464)

(*) Tổng Công ty sử dụng khoản tiền gửi mở tại 04 tổ chức tín dụng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, giá trị 93.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (xem thuyết minh số V.20).

Ngoài ra, Tổng Công ty sử dụng khoản tiền gửi mở tại 03 tổ chức tín dụng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Gia Định, giá trị 291.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.20).

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	31.500.000.000	(1.593.442.206)	31.500.000.000	(1.593.442.206)
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	11.700.000.000	(1.593.442.206)	11.700.000.000	(1.593.442.206)
Công ty IBS Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	19.800.000.000		19.800.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	122.644.900.000		122.644.900.000	
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽ⁱⁱⁱ⁾	88.200.000.000		88.200.000.000	
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ^(iv)	20.152.200.000		20.152.200.000	
Công ty Cổ phần Kasati ^(v)	14.292.700.000		14.292.700.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	105.725.812.685	(46.779.321.643)	245.429.793.280	(41.638.199.726)
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	(8.880.000.000)	15.000.000.000	(8.880.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	(10.253.558)	2.940.000.000	(10.253.558)
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000		17.080.000.000	
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000		5.800.000.000	
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam			14.900.000.000	(1.243.865.235)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000		625.000.000	
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương				
Công ty Cổ phần 36	64.280.812.685	(37.889.068.085)	64.280.812.685	(31.504.080.933)
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long			44.803.980.595	
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu một			80.000.000.000	
Cộng	259.870.712.685	(48.372.763.849)	399.574.693.280	(43.231.641.932)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500600975 thay đổi lần thứ bốn ngày 16 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam 17.185.000.000 VND, tương đương 95,47% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn thực góp của Tổng Công ty là 11.700.000.000 VND, tương đương 93,63% số vốn điều lệ thực góp của Công ty con, không thay đổi so với số đầu năm. Vốn điều lệ còn phải góp vào công ty con này là 5.485.000.000 VND

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102720783 được thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần IBS Việt Nam 19.800.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 1.000.000 USD, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký là 1.000.000 USD tương đương 20.152.200.000 VND.
- (v) Tổng Công ty đã mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Kasati tương đương 21,3% vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty nắm giữ 638.090 cổ phiếu, chiếm 21,3% vốn của Công ty Cổ phần Kasati.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện		
Nhận lại tiền hợp tác kinh doanh	1.604.032.474	1.286.476.800
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang		
Nhượng tái bảo hiểm		
Phí nhượng tái bảo hiểm	71.780.880.384	79.315.696.135
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23.265.101.158	25.772.872.183
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	47.873.072.146	52.258.660.764
Nhận tái bảo hiểm		
Phí nhận tái bảo hiểm	1.052.341.550	1.652.812.160
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	254.742.409	411.362.690

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**2d. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31.235.306.464	31.235.306.464
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	48.372.763.849	43.231.641.932
Cộng	<u>79.608.070.313</u>	<u>74.466.948.396</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	74.466.948.396	30.804.966.363
Trích lập dự phòng bổ sung	6.384.987.152	30.971.560.922
Hoàn nhập dự phòng	(1.243.865.235)	(2.146.870.337)
Số cuối kỳ	<u>79.608.070.313</u>	<u>59.629.656.948</u>

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm gốc

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	276.179.731.112	253.777.774.038
Phải thu về tái bảo hiểm	134.605.234.470	177.087.619.790
Cộng	<u>410.784.965.582</u>	<u>430.865.393.828</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	106.786.863.845	117.410.637.082
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	2.605.023.049	10.120.497.078
Trả trước cho nhà cung cấp khác	10.928.289.129	13.734.146.970
Cộng	<u>120.320.176.023</u>	<u>141.265.281.130</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	148.555.665.820	134.939.111.894
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Tạm ứng	45.596.828.575	15.519.566.234
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.495.049.634	5.822.545.664
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	54.930.873.530	57.748.225.849
Cộng	<u>258.192.599.313</u>	<u>219.643.631.395</u>

5b. Phải thu dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	10.285.653.500	10.280.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	7.852.826.811	7.564.209.676
Cộng	<u>18.138.480.311</u>	<u>17.844.209.676</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	61.280.226.313	63.881.930.903
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	<i>2.095.572.998</i>	<i>2.725.677.434</i>
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	<i>3.317.148.047</i>	<i>3.403.329.412</i>
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	<i>3.747.099.220</i>	<i>3.582.339.409</i>
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	<i>52.120.406.048</i>	<i>54.170.584.649</i>
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi		
Cộng	<u>61.280.226.313</u>	<u>63.881.930.903</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	63.881.930.903	59.819.755.898
Trích lập dự phòng bổ sung	5.795.761.473	3.310.454.750
Hoàn nhập dự phòng	(8.397.466.063)	-
Số cuối kỳ	<u>61.280.226.313</u>	<u>63.130.210.648</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.999.855.617	3.240.774.601
Công cụ, dụng cụ	318.514.299	387.395.404
Cộng	<u>2.318.369.916</u>	<u>3.628.170.005</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ ^(*)	205.755.716.435	176.030.723.016
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	810.071.335	448.232.107
Cộng	<u>206.565.787.770</u>	<u>176.478.955.123</u>

^(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	176.030.723.016	151.907.547.345
Số phát sinh trong kỳ	180.608.458.460	142.260.766.114
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(150.883.465.041)	(134.147.263.029)
Số cuối kỳ	<u>205.755.716.435</u>	<u>160.021.050.430</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	4.655.485.875	6.221.748.644
Chi phí thuê nhà	4.595.570.888	3.962.071.720
Chi phí phát triển đại lý	1.538.237.555	825.434.701
Các chi phí trả trước dài hạn khác	25.626.733.508	16.926.292.158
Cộng	<u>36.416.027.826</u>	<u>27.935.547.223</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	397.779.549	995.130.087
Thuế thu nhập cá nhân	1.000.809.434	585.517.834
Các loại thuế khác	115.745.117	107.745.117
Cộng	1.514.334.100	1.688.393.038

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.500.386.730	170.730.000	89.623.375.354	29.651.134.365	134.945.626.449
Mua trong kỳ	36.350.000		10.654.768.183	530.405.454	11.221.523.637
Thanh lý, nhượng bán			(422.462.804)		(422.462.804)
Số cuối kỳ	15.536.736.730	170.730.000	99.855.680.733	30.181.539.819	145.744.687.282
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		33.850.000	19.349.527.185	11.916.495.198	31.299.872.383
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.444.845.552	67.438.961	49.599.908.474	17.819.194.009	69.931.386.996
Khấu hao trong kỳ	213.630.492	88.703.250	3.386.815.488	2.086.497.638	5.775.646.868
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(422.462.804)	-	(422.462.804)
Số cuối kỳ	2.658.476.044	156.142.211	52.564.261.158	19.905.691.647	75.284.571.060
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.055.541.178	103.291.039	40.023.466.880	11.831.940.356	65.014.239.453
Số cuối kỳ	12.878.260.686	14.587.789	47.291.419.575	10.275.848.172	70.460.116.222
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.096.806.800	10.518.485.686	15.615.292.486
Mua trong kỳ		257.800.000	257.800.000
Số cuối kỳ	5.096.806.800	10.776.285.686	15.873.092.486
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		4.035.273.011	4.035.273.011
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		5.753.645.567	5.753.645.567
Khấu hao trong kỳ		1.052.246.094	1.052.246.094
Số cuối kỳ		6.805.891.661	6.805.891.661

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.096.806.800	4.764.840.119	9.861.646.919
Số cuối kỳ	5.096.806.800	3.970.394.025	9.067.200.825
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

12. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	114.060.603.127	121.055.366.654
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối kỳ	6.994.763.527	114.060.603.127	121.055.366.654
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		5.163.464.375	5.163.464.375
Khấu hao trong năm		1.487.946.534	1.487.946.534
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối kỳ		6.651.410.909	6.651.410.909
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.994.763.527	108.897.138.752	115.891.902.279
Số cuối kỳ	6.994.763.527	107.409.192.218	114.403.955.745

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Quyền sử dụng đất tại Bình Dương	6.994.763.527		6.994.763.527
Sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy lợi 4	85.050.699.262	4.876.683.195	80.174.016.067
FLC Quy Nhơn	20.793.460.948	1.559.509.560	19.233.951.388
Dự án Xuân Phương	5.868.436.130	58.684.362	5.809.751.768
Chung cư Fhome	2.348.006.787	156.533.792	2.191.472.995
Cộng	121.055.366.654	6.651.410.909	114.403.955.745

Thu nhập và chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong kỳ lần lượt là 1.604.032.474 VND và 1.807.147.514 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	510.000.000
Chi phí phát sinh trong kỳ	16.477.250.637
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	<u>(8.659.928.637)</u>
Số cuối kỳ (*)	<u>8.327.322.000</u>

(*) Chi tiết các hạng mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 30 tháng 6 năm 2018

Mua nhà và quyền sử dụng đất tại Văn phòng Nghệ An	8.321.600.000
Hạng mục khác	5.722.000
Cộng	<u>8.327.322.000</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	110.616.629.525	106.914.967.419
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	266.313.082.749	227.229.440.676
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	5.112.460.547	6.114.774.103
Phải trả cho nhà cung cấp khác	5.878.024.539	10.048.856.934
Cộng	<u>387.920.197.360</u>	<u>350.308.039.132</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	15.846.067.808	11.130.139.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	380.870.238	13.545.345.494
Thuế thu nhập cá nhân	3.760.774.143	6.033.409.993
Các loại thuế khác	174.979.603	178.570.941
Cộng	<u>20.162.691.792</u>	<u>30.887.465.578</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.130.139.150	995.130.087	71.143.627.844	(65.830.348.648)	15.846.067.808	397.779.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.545.345.494		7.827.614.423	(20.992.089.679)	380.870.238	
Thuế thu nhập cá nhân	6.033.409.993	585.517.834	14.582.377.697	(17.270.305.147)	3.760.774.143	1.000.809.434
Các loại thuế khác	178.570.941	107.745.117	813.378.267	(824.969.605)	174.979.603	115.745.117
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			121.165.803	(121.165.803)		
Cộng	<u>30.887.465.578</u>	<u>1.688.393.038</u>	<u>94.488.164.034</u>	<u>(105.038.878.882)</u>	<u>20.162.691.792</u>	<u>1.514.334.100</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.314.375.361	55.343.679.859
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	8.534.427.820	
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.534.427.820	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	46.848.803.181	55.343.679.859
Thu nhập được miễn thuế	(7.710.731.066)	(5.532.517.209)
Thu nhập tính thuế	39.138.072.115	49.811.162.650
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.827.614.423	9.962.232.530
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		(833.581.066)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.827.614.423	9.128.651.464

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí bảo hiểm gốc nhận trước cho các kỳ sau.

18. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	137.118.307.828	94.850.311.274
Trích hoa hồng trong năm	10.671.217.642	126.517.229.219
Hoàn nhập hoa hồng trong năm	(7.679.818.128)	(118.334.046.958)
Số cuối kỳ	140.109.707.342	103.033.493.535

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	3.384.030.976	2.722.138.940
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.539.789.946	504.997.152

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	104.562.308.325	10.831.168.942
Thuế nhà thầu tạm giữ	3.066.506.819	3.056.493.053
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	16.318.432.601	6.197.474.751
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	15.314.417.601	14.453.701.823
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	280.000.000	16.399.000.000
Phải trả phải nộp khác	59.443.009.819	28.490.013.608
Cộng	203.908.496.087	82.654.988.269

19b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*)	227.144.800.000	170.364.700.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân (**)	15.008.800.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (***)	33.359.437.500	26.779.755.000
Cộng	275.513.037.500	197.144.455.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất "LIBOR 3 tháng+biên độ 0,8%". Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.2).

(**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng thấu chi số 01/2018/2340004/HĐTC ngày 12/02/2018 để bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn vay ngắn hạn) tạm thời của đơn vị do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ; thời hạn thấu chi nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi (12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/02/2019); lãi suất 7%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi.

(***) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 5%/năm đối với khoản vay phát sinh trong năm 2017 và lãi suất 5,5%/năm đối với các khoản vay phát sinh trong năm 2018, thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố các khoản tiền gửi mở tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.2).

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	170.364.700.000	56.780.100.000		227.144.800.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân		170.008.800.000	(155.000.000.000)	15.008.800.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	26.779.755.000	33.359.437.500	(26.779.755.000)	33.359.437.500
Cộng	197.144.455.000	260.148.337.500	(181.779.755.000)	275.513.037.500

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Dự phòng nghiệp vụ

21a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

1. Dự phòng bồi thường⁽ⁱ⁾

Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết

Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo

2. Dự phòng phí chưa được hưởng⁽ⁱⁱ⁾

Cộng

Trong đó chi tiết:

⁽ⁱ⁾ Dự phòng bồi thường

Số đầu năm

Số trích lập trong kỳ

Số hoàn nhập trong kỳ

Số cuối kỳ

⁽ⁱⁱ⁾ Dự phòng phí chưa được hưởng

Số đầu năm

Số trích lập trong kỳ

Số hoàn nhập trong kỳ

Số cuối kỳ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ					
	Năm nay		Năm trước			
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
	781.119.941.049	349.621.138.996	431.498.802.053	797.519.969.351	295.133.085.860	502.386.883.491
	773.413.313.048	349.621.138.996	423.792.174.052	789.813.341.350	295.133.085.860	494.680.255.490
	7.706.628.001	-	7.706.628.001	7.706.628.001		7.706.628.001
	1.920.884.733.160	641.753.839.148	1.279.130.894.012	1.647.879.368.341	525.983.018.605	1.121.896.349.736
	2.702.004.674.209	991.374.978.144	1.710.629.696.065	2.445.399.337.692	821.116.104.465	1.624.283.233.227
	797.519.969.351	295.133.085.860	502.386.883.491	778.982.126.930	216.928.788.503	562.053.338.427
	(16.400.028.302)	54.488.053.136	(54.488.053.136)	6.081.844.156	43.853.753.115	(43.853.753.115)
	781.119.941.049	349.621.138.996	431.498.802.053	772.900.282.774	260.782.541.618	512.117.741.156
	1.647.879.368.341	525.983.018.605	1.121.896.349.736	1.585.666.973.133	331.811.783.188	1.253.855.189.945
	273.005.364.819	115.770.820.543	157.234.544.276	17.591.887.598	67.680.188.859	(50.088.301.261)
	1.920.884.733.160	641.753.839.148	1.279.130.894.012	1.603.258.860.731	399.491.972.047	1.203.766.888.684

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**21b. Tài sản tái bảo hiểm**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	349.621.138.996	295.133.085.860
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	349.621.138.996	295.133.085.860
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo		
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<u>641.753.839.148</u>	<u>525.983.018.605</u>
Cộng	<u><u>991.374.978.144</u></u>	<u><u>821.116.104.465</u></u>

21c. Dự phòng dao động lớn

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	69.448.040.587	46.632.930.447
Số trích lập thêm trong kỳ	13.927.101.179	10.765.406.356
Số sử dụng trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	<u><u>83.375.141.766</u></u>	<u><u>57.398.336.803</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	19.699.784.835	41.540.743.782	1.839.222.126.126
Lợi nhuận trong kỳ trước				146.081.454.705	146.081.454.705
Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1.045.602.068		46.215.028.395	46.215.028.395
Chia cổ tức trong kỳ				(1.045.602.068)	(1.045.602.068)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng				(96.474.850.800)	(96.474.850.800)
Chi thù lao và thưởng HĐQT, BKS				(1.045.602.068)	(1.045.602.068)
Trích thường Ban lãnh đạo				(1.045.602.068)	(1.045.602.068)
Số dư cuối kỳ trước	803.957.090.000	827.943.052.804	20.745.386.903	41.540.743.782	1.785.302.696.483
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	20.745.386.903	48.967.380.576	1.887.620.403.961
Lợi nhuận trong kỳ này				186.007.493.678	186.007.493.678
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				30.486.760.938	30.486.760.938
Chia cổ tức trong kỳ			1.485.327.359	(1.485.327.359)	(1.485.327.359)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng				(96.474.850.800)	(96.474.850.800)
Chi thù lao và thưởng HĐQT, BKS				(1.485.327.359)	(1.485.327.359)
Trích thường Ban lãnh đạo				(1.485.327.359)	(1.485.327.359)
Số dư cuối kỳ này	803.957.090.000	827.943.052.804	22.230.714.262	113.335.430.696	1.816.433.668.338

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	803.957.090.000	803.957.090.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	182.256.480.000	182.256.480.000
Vốn góp của các cổ đông khác	621.700.610.000	621.700.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	827.943.052.804	827.943.052.804
Cộng	1.631.900.142.804	1.631.900.142.804

22c. Cổ tức

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	10.831.168.942	10.433.081.245
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	96.474.850.800	96.474.850.800
Cổ tức đã trả trong kỳ	(2.743.711.417)	(68.237.548.452)
Cổ tức chưa trả cuối kỳ	104.562.308.325	38.670.383.593

22d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 39/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho cổ đông	: 96.474.850.800
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.485.327.359
• Trích quỹ khen thưởng khách hàng	: 1.485.327.359
• Chi thù lao và thưởng HĐQT và BKS	: 1.485.327.359
• Trích thưởng Ban lãnh đạo	: 2.227.991.043

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Phí Bảo hiểm gốc	1.941.899.471.933	1.519.060.123.638
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>544.381.918.614</i>	<i>288.846.536.292</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>176.803.210.636</i>	<i>150.237.081.859</i>
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>64.895.881.111</i>	<i>49.316.858.977</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>4.355.255.821</i>	
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>998.713.493.167</i>	<i>919.769.934.816</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>90.111.007.052</i>	<i>58.337.833.595</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	<i>43.384.594.427</i>	<i>39.296.729.401</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>19.227.041.105</i>	<i>13.255.148.698</i>
<i>Bảo hiểm nông nghiệp</i>	<i>27.070.000</i>	
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(21.686.651.151)	(22.896.911.495)
Phí nhận tái bảo hiểm	59.132.996.949	56.632.648.482
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(5.140.910.349)	(2.211.119.862)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(273.005.364.819)	(17.591.887.598)
Doanh thu phí bảo hiểm	1.701.199.542.563	1.532.992.853.165

2. Phí nhượng tái bảo hiểm

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Phí nhượng tái bảo hiểm	581.495.694.228	474.044.105.162
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>42.628.382.039</i>	<i>31.145.943.150</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>165.254.330.070</i>	<i>179.406.957.827</i>
<i>Bảo hiểm bảo an tín dụng</i>	<i>209.367.728.713</i>	
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>8.440.485.059</i>	<i>23.232.352.115</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>83.738.361.313</i>	<i>71.325.736.954</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>33.519.016.429</i>	<i>50.569.564.890</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	<i>27.145.497.674</i>	<i>26.260.923.504</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>11.401.892.931</i>	<i>92.102.626.722</i>
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(115.770.820.543)	(67.680.188.859)
Phí nhượng tái bảo hiểm	465.724.873.685	406.363.916.303

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tổng chi bồi thường bảo hiểm

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường	791.766.075.513	829.911.897.357
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	187.487.655.910	120.389.078.585
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	42.752.636.821	81.417.400.543
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	11.076.110.993	38.287.972.068
Bảo hiểm hàng không		564.923
Bảo hiểm xe cơ giới	473.060.103.295	517.467.534.735
Bảo hiểm cháy, nổ	52.718.313.718	14.505.445.582
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	15.276.251.152	13.045.744.900
Bảo hiểm trách nhiệm chung	9.395.003.623	44.798.156.021
Các khoản giảm trừ	(3.205.430.865)	(1.409.088.173)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(96.064.687.351)	(168.811.079.466)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(16.400.028.302)	(6.081.844.157)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(54.488.053.136)	(43.853.753.114)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	621.607.875.859	609.756.132.447

4. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	150.883.465.041	134.147.263.029
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	119.912.670.514	74.715.728.448
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	6.110.707.482	6.687.432.530
Chi các quỹ bảo hiểm	10.807.755.220	4.827.734.997
Chi phí khác	283.868.560.535	191.408.923.846
Cộng	571.583.158.792	411.787.082.850

5. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	1.604.032.474	1.286.476.800
Bán bất động sản đầu tư		8.276.822.145
Cộng	1.604.032.474	9.563.298.945

6. Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	1.807.147.514	1.525.715.448
Bán bất động sản đầu tư		4.852.183.047
Cộng	1.807.147.514	6.377.898.495

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	73.928.912.129	55.577.886.340
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	106.167.628	183.658.229
Lãi đầu tư kinh doanh chứng khoán, trái phiếu và các khoản đầu tư khác	68.459.395.361	56.911.330.070
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.710.731.066	5.532.517.209
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	738.225.840	1.158.430.321
Các khoản khác	90.653.395	453.215.000
Cộng	151.034.085.419	119.817.037.169

8. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.048.553.837	1.998.850.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	794.788.960	1.048.257.830
Lỗ kinh doanh chứng khoán	23.428.838.924	3.846.562.194
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn dài hạn	88.140.765.909	29.665.829.393
Chi phí khác	9.114.413.273	13.609.121.120
Cộng	125.527.360.903	50.168.621.314

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	175.490.854.719	172.003.686.176
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.679.448.205	8.430.678.631
Chi phí dụng cụ quản lý	5.148.625.178	5.778.565.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.626.245.687	4.906.471.473
Thuế, phí và lệ phí	8.471.275.365	5.601.089.565
Chi phí dự phòng	(2.524.868.787)	3.310.454.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.862.857.779	35.816.474.247
Chi phí khác bằng tiền	53.929.266.745	36.139.251.629
Cộng	293.683.704.891	271.986.672.160

10. Lãi trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	3.877.117.500	4.025.700.000
Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.485.327.359	1.045.602.068

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	183.960.889

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Công ty con
Công ty IBS Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	Công ty liên kết

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu		
Phí nhượng tái bảo hiểm	4.181.976.647	1.194.883.262
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	1.468.787.089	454.055.737
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	145.232.160	90.501.378
Cổ tức năm trước được hưởng	36.000.000.000	36.000.000.000
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		
Cổ tức năm trước được hưởng	21.870.777.600	21.870.777.600

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang - phải thu phí bảo hiểm	226.672.944	6.445.901.801
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện - phải thu ủy thác đầu tư ngắn hạn	45.216.347.222	49.255.347.222
Cộng nợ phải thu	45.443.020.166	55.701.249.023
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu - phải trả phí bảo hiểm	3.072.937.991	509.162.585
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu - phải trả cổ tức	36.000.000.000	
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	21.870.777.600	
Cộng nợ phải trả	60.943.715.591	509.162.585

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Lãnh đạo đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Lãnh đạo thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.469.434.372		165.469.434.372
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	68.892.797.940	563.794.212.434	632.687.010.374
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.546.874.022.222	77.943.190.809	2.624.817.213.031
Phải thu khách hàng	224.957.480.382	185.827.485.200	410.784.965.582
Các khoản phải thu khác	203.117.375.576	19.764.048.662	222.881.424.238
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	63.505.000.000	82.220.812.685	145.725.812.685
Cộng	3.272.816.110.492	929.549.749.790	4.202.365.860.282
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.601.609.760		99.601.609.760
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	229.796.965.531	57.587.234.440	287.384.199.971
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.587.055.828.222	40.831.822.587	2.627.887.650.809
Phải thu khách hàng	375.373.742.464	55.491.651.364	430.865.393.828
Các khoản phải thu khác	188.892.708.217	19.688.811.280	208.581.519.497
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	188.308.980.595	97.120.812.685	285.429.793.280
Cộng	3.669.029.834.789	270.720.332.356	3.939.750.167.145

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	275.513.037.500			275.513.037.500
Phải trả người bán	387.920.197.360			387.920.197.360
Các khoản phải trả khác	199.116.622.997	1.502.442.386		200.619.065.383
Cộng	862.549.857.857	1.502.442.386		864.052.300.243
Số đầu năm				
Phải trả người bán	350.308.039.132			350.308.039.132
Vay và nợ	197.144.455.000			197.144.455.000
Các khoản phải trả khác	63.609.251.411	1.120.456.136		64.729.707.547
Cộng	611.061.745.543	1.120.456.136		612.182.201.679

Ban Lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.624.817.213.031	2.627.887.650.809
Vay và nợ	(275.513.037.500)	(197.144.455.000)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	2.349.304.175.531	2.430.743.195.809

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 37.588.866.808 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 39.641.290.727 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay giảm so với năm trước do sự tăng giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán niêm yết Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 11.380.168.369 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 2.999.439.273 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay tăng cao hơn so với năm trước do năm nay Tổng Công ty đầu tư nhiều vào các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết.

3d. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.469.434.372		99.601.609.760	
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	632.687.010.374	(88.687.864.084)	287.384.199.971	(5.688.220.092)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.624.817.213.031	(31.235.306.464)	2.627.887.650.809	(31.235.306.464)
Phải thu khách hàng	410.784.965.582	(41.516.177.651)	430.865.393.828	(44.193.119.623)
Các khoản phải thu khác	222.881.424.238	(19.764.048.662)	208.581.519.497	(19.688.811.280)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	145.725.812.685	(46.779.321.643)	285.429.793.280	(41.638.199.726)
Cộng	4.202.365.860.282	(227.982.718.503)	3.939.750.167.145	(142.443.657.185)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	275.513.037.500	197.144.455.000
Phải trả người bán	387.920.197.360	350.308.039.132
Các khoản phải trả khác	200.619.065.383	64.729.707.547
Cộng	<u>864.052.300.243</u>	<u>612.182.201.679</u>

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	85,62	80,03
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	14,38	19,97
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	68,41	62,44
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31,59	37,56
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,46	1,54
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,25	1,22
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,04	0,03
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	550,07	284,13
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	2,53	4,27
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,01	3,57
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,67	1,09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,53	0,91
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1,68	2,59

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các nghiệp vụ của Tổng Công ty và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.


Phụ lục đính kèm (trang 55 – 56) nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh toán phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC**BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/07/2017 đến 30/06/2018</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 30/6/2017</u>
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.816.433.668.338	1.785.302.696.483
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	5.749.170.187.047	5.080.718.009.481
2. Nợ phải trả	3.932.736.518.709	3.295.415.312.998
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	422.562.419.976	348.781.117.153
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	104.581.027.402	77.345.779.856
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	20.152.200.000	20.152.200.000
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính)	-	-
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	82.822.927.736	54.678.882.420
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	1.605.899.666	2.514.697.436
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	-	-
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	317.981.392.574	271.435.337.297
2.1 Các Tài sản đầu tư	142.983.146.845	103.348.560.326
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	-	500.000.000
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	5.940.000.000	3.900.000.000
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	81.313.609.919	44.863.317.281
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	12.170.980.908	11.650.682.700
đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	967.325.626	967.325.626
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	16.111.378.833	15.668.694.719
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	26.479.851.559	25.798.540.000
2.2 Các khoản phải thu	3.125.475.497	3.474.738.478

30/06/2018
 AN
 TỶ
 HỀ
 27
 C
 AN
 T

a)	Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	1.466.901.099	1.363.220.918
b)	Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	1.658.574.398	2.111.517.561
2.3	Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	19.187.220.041	15.817.697.214
2.4	Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	152.685.550.192	148.794.341.279
III.	Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	1.393.871.248.362	1.436.521.579.330
IV.	Biên khả năng thanh toán tối thiểu 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	649.419.912.894	610.917.950.562
	So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
	Chênh lệch theo số tuyệt đối	744.451.335.468	825.603.628.768
	Chênh lệch theo tỷ lệ %	215%	235%

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu

